

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/KDTM-PT

Ngày: 23-11-2018

V/v “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
thanh toán*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Vũ Việt Dũng

Ông Đỗ Thị Thúy Năng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Hưng, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham dự phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2018/TLPT-KDTM ngày 01.10.2018 về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2018/KDTM-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2018/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV H; địa chỉ: đường Đ, thị trấn C, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn M, chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần V; địa chỉ: đường X, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Đậu Quang T, chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Vũ Văn C, sinh năm: 1972, địa chỉ: xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; tạm trú: xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Hồ Thăng H, sinh năm: 1982; địa chỉ: đường X, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ông Phan Văn L, sinh năm: 1995; địa chỉ: thôn Y, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Nam, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Cơ quan kháng nghị*: Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng

- *Người kháng cáo*: Công ty Cổ phần Xây dựng điện V - bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn – Công ty TNHH MTV H (gọi tắt là Công ty H) trình bày:*

Công ty H có ký hợp đồng số 35/2016/HĐKT-VNECO ngày 20/12/2016 và phụ lục hợp đồng kinh tế ngày 04/03/2017 với Công ty Cổ phần xây dựng Điện V (gọi tắt là Công ty V), theo đó Công ty V thuê của Công ty H các loại máy để thi công dự án Tuyến kênh thoát lũ tổng thể khu vực xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng với đơn giá và chủng loại máy như sau:

Stt	Chủng loại máy	Đvt	số lượng	đơn giá(đồng/ca máy)
1	Máy đào gầu 0,7 m ³	Cái	01	4.000.000
2	Máy đào gầu 0,5 m ³	Cái	01	3.000.000
3	Máy đào gầu 1,2 m ³	Cái	01	5.000.000
4	Máy ủi Komatsu D5	Cái	01	3.000.000
5	Xe tải ben 2 cầu 6-7 m ³	Cái	01	1.400.000
6	Xe tải ben 9-12 m ³	Cái	01	2.000.000

Quá trình thực hiện, Công ty H đã cho thuê 06 loại máy, có xác nhận vào sổ nhật ký công trình của người đại diện và chỉ huy trưởng công trình của Công ty V tại công trường cụ thể như sau:

STT	CHUNG LOẠI MÁY	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Máy đào gầu 0,7 m ³	Ca	205,5	4.000.000	822.000.000
2	Máy đào gầu 0,5 m ³	Ca	2,8	3.000.000	8.400.000
3	Máy đào gầu 1,2 m ³	Ca	48,1	5.000.000	240.500.000
4	Máy ủi Komatsu D5	Ca	90,6	3.000.000	271.800.000
5	Xe tải ben 2 cầu 6-7 m ³	Ca	74,6	1.400.000	104.432.000
6	Xe tải ben 9-12 m ³	Ca	22,8	2.000.000	45.600.000
	TỔNG CỘNG				1.492.732.000

(Một tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn)

Sau khi thực hiện dự án, Công ty V đã thanh toán cho Công ty H với số tiền: **560.000.000** đồng. Như vậy, Công ty V còn nợ Công ty H số tiền: **932.732.000** đồng.

Nay Công Ty H khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty V phải thanh toán hết số tiền còn nợ: **932.732.000** đồng và không yêu cầu tính lãi

** Bị đơn - Công ty cổ phần xây dựng điện V trình bày:*

Việc Công ty V ký Hợp đồng số 35/2016/HĐKT-VNECO ngày 20/12/2016 và phụ lục hợp đồng kinh tế (PL1) ngày 04/03/2017 với Công ty H; Đơn giá ghi trong hợp đồng theo từng chủng loại xe là đúng. Khi thực hiện hợp đồng, tại dự án kênh thoát lũ tại xã Hòa Liên, Công ty phân công ông Vũ Văn C là nhân viên của công ty trực tiếp chỉ huy công trình và chịu trách nhiệm về nhân sự, vật tư, khối lượng công việc của Công ty H và Công ty N. Trong quá trình thực dự án thì phía công ty bị trục trặc về mặt kinh tế cũng như nhân sự nên dự án đã tạm dừng thi công và ông có báo cáo với Công ty N để chấm dứt hợp đồng. Đồng thời, Công ty H cũng dừng thi công từ tháng 9/2017.

Theo hồ sơ xác nhận nhật ký công trình cũng như số liệu về thời gian do Công ty H cung cấp, thì ông Võ Xuân H là Trưởng phòng kỹ thuật đã ký vào các

biên bản của Công ty H là đúng. Cơ sở để ông Võ Xuân Hợi ký là trên cơ sở báo cáo của ông Vũ Văn C (chỉ huy công trình). Khi ông Hợi giao cho ông ký xác nhận, đối chiếu thì ông có yêu cầu các bộ phận kiểm tra lại khối lượng công việc đối với Công ty H. Do vậy, ông xác nhận số lượng ca máy mà Công ty H đã được ông Vũ Văn C ký xác nhận là có. Tuy nhiên, khối lượng công trình không tương ứng với khối lượng ca máy vì thực tế khối lượng đào đắp là không đúng với khối lượng mà công ty H đã cung cấp.

Do vậy, việc Công ty H khởi kiện yêu cầu chúng ông thanh toán số tiền 932.732.000 đồng, không phải Công ty V không đồng ý trả mà do khối lượng công việc không tương xứng với thời gian mà Công ty H đã cung cấp. Hiện nay Công ty V đang hoàn thiện hồ sơ để thanh quyết toán với Công ty N (là chủ đầu tư dự án kênh thoát lũ của xã Hòa Liên) khi nào có kết quả thanh toán của Công ty N về khối lượng thì Công ty V sẽ thanh toán cho công ty H tương ứng với khối lượng mà công ty N đã thanh toán cho Công ty.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Ông Vũ Văn C trình bày: Ông là đội trưởng đội xây lắp điện của Công ty V, khi thực hiện dự án kênh thoát lũ xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thì giám đốc Công ty có quyết định giao ông làm chỉ huy trưởng công trình tại dự án từ tháng 10/2016; ngoài ra, ông Hồ Thăng H: phụ trách tài chính và kỹ thuật; ông Phan Văn Lai: phụ trách kỹ thuật và nhiều người khác.

Trong khi thi công kênh thoát lũ xã Hòa Liên đoạn 8, 9 thuộc Công ty V thi công, chỉ có máy móc của Công ty H thi công cho công ty. Vì ông là người chịu trách nhiệm báo cáo với Giám đốc công việc hàng ngày, nếu thiếu thiết bị máy móc thì ông là người chịu trách nhiệm điều hành, hoặc thuê máy về thi công cho đảm bảo đúng tiến độ dự án. Việc Công ty thuê thêm máy của Công ty H theo phụ lục hợp đồng kinh tế ngày 04/03/2017 là do ông đề xuất trên cơ sở đồng ý của Giám đốc. Vì chạy theo tiến độ dự án nên ông có gọi Công ty H bổ sung thêm 03 loại máy đó là: Máy ủi Komatsu D5, Xe tải ben 2 cầu 6-7 m³ và Xe tải ben 9-12 m³, và thực tế Công ty H đã đưa 03 loại máy trên vào thi công tại công trường. Còn việc ký phụ lục hợp đồng là hình thức văn bản do Giám đốc với Công ty H thực hiện.

Phía Công ty H đã tuân thủ mọi biện pháp quy định trên công trường, đảm bảo kỹ thuật cũng như chất lượng của công trình. Thực tế, khi thực hiện việc đào chân khay móng kè (làm móng trụ) tốn rất nhiều thời gian và công sức của anh em, có trường hợp chỉ đào vài tiếng đồng hồ là xong, nhưng khi thời tiết có mưa hoặc gặp vị trí đào có nước ngầm thì phải mất hơn 02 ngày mới đào xong một móng trụ, lúc này ông phải yêu cầu phía Công ty H tăng cường máy đào, máy ủi và tăng ca để

làm cho xong và phía Công ty H đã đáp ứng mọi yêu cầu của Vineco⁷. Do đó, tất cả các ca máy và khối lượng đã được cán bộ kỹ thuật tại công trường kí xác nhận khối lượng công việc của Công ty H thực hiện trên công trường là thực tế và có các biên bản kèm theo. Do vậy, đề nghị Công ty V phải thanh toán tiền theo yêu cầu của Công ty H.

Ông Hồ Thăng H trình bày: ông là nhân viên của Công ty V từ tháng 06/2005 với vai trò là cán bộ kỹ thuật, thi công các công trình của công ty. Đến cuối năm 2016 ông được điều về làm Phó Ban chỉ huy công trường thi công gói kè kênh thoát lũ xã Hòa Liên giữa Công ty V ký với Tập đoàn N. Khi ra thực hiện thi công gói kè kênh thoát lũ xã Hòa Liên ông được phân công nhiệm vụ làm kỹ thuật và rà soát khối lượng của các đơn vị ngoài công trường để báo cáo khối lượng về công ty tạm ứng và quyết toán cho các nhà thầu. Trong quá trình xác nhận khối lượng của các đội thi công, ngoài ông còn có các cán bộ khác là ông Phan Văn L, Mai Văn L, Mai Xuân V, sau khi có sự xác nhận khối lượng của cán bộ kỹ thuật phụ trách ghi chép chi tiết khối lượng của từng tổ đội, sau đó ông kiểm tra mới ký vào biên bản và đưa cho ông Vũ Văn C (chỉ huy trưởng thi công công) ký xác nhận thì các tổ đội mới được mang về nộp cho công ty để làm phiếu giá tạm ứng thanh toán cho tổ đội. Tất cả các quy trình ký xác nhận trên là thủ tục bắt buộc của công ty, các tổ đội phải tuân thủ thì về phòng kế hoạch, kỹ thuật tài chính mới lên phiếu giá khối lượng thanh toán cho tổ đội.

Trong quá trình thi công 2 gói kè kênh thoát lũ xã Hòa Liên, Công ty có hợp đồng thuê Công ty H thực hiện nhiều loại máy gồm, xe tải ben và máy đào 0,5m³; 0,7m³ và 01 con máy đào 1,2m³ để thi công các hạng mục: đào đất lòng kênh, đắp đê quai, đắp đất hai ta luy, hỗ trợ mức nước khi máy bơm có sự cố. Khi thi công 2 gói kè kênh thoát lũ xã Hòa Liên (đoạn 8 và một phần hai đoạn 9) đơn vị chỉ thuê một mình Công ty H không có đơn vị nào khác. Về khối lượng thực hiện thanh toán giữa Công ty V và Công ty H. Ông hoàn toàn chịu trách nhiệm những khối lượng mà ông đã ký vào bảng khối lượng mà ban chỉ đạo công trường đã ký. Do vậy, đề nghị Công ty V thanh toán tiền cho Công ty H.

Với nội dung trên, bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2018/KDTM-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H đối với Công ty V. Buộc Công ty V phải thanh toán cho Công Ty H số tiền là **932.732.000** đồng (*Chín trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 21 tháng 8 năm 2018, Công ty V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2018/KDTM-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu.

* Ngày 19 tháng 9 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng kháng nghị phúc thẩm đối với bản án KDTM sơ thẩm số 05/2018/KDTM-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm, nội dung:

(1) Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ quy định tại khoản 2 Điều 97 BLTTDS đối với quy trình và khối lượng nghiệm thu bởi Công ty N đối với công trình để xác định chính xác khối lượng thực tế do công ty Hòa Mạnh thi công.

Tòa án cấp sơ thẩm hoãn phiên tòa xét xử lần thứ 2 trong trường hợp nguyên đơn vắng mặt là không đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 BLTTDS

(2) Về áp dụng pháp luật nội dung:

Căn cứ hợp đồng giữa các bên thì cơ sở để thanh toán dựa trên khối lượng và thời gian làm việc. Tuy nhiên, giữa 02 bên chỉ ký xác định thời gian làm việc mà không nghiệm thu về khối lượng thi công. Bản án sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của ông C và ông H để xác định số tiền Công ty V phải thanh toán cho Công ty H là thiếu cơ sở.

Do bản án sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng và nội dung, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, nên đề nghị: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2018/KDTM-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu.

* Tại biên bản thỏa thuận ngày 23/11/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty V và Công ty H tự thỏa thuận thống nhất với nhau, cụ thể: Công ty V cam kết trả cho Công ty H số tiền nợ là: 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng) chậm nhất trước ngày 30/11/2018. Về án phí: đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như trên, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2018/KDTM-ST ngày 07.8.2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 21 tháng 8 năm 2018, Công ty V có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty H; Ngày 19 tháng 9 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm về trình tự thủ tục tố tụng và nội dung.

[2] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2018/KDTM-ST ngày 07.8.2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu là có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể: Công ty V còn nợ Công ty H số tiền là: 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng) và sẽ thanh toán dứt điểm khoản nợ chậm nhất trước ngày 30/11/2018. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Sự thỏa thuận của Công ty H và Công ty V tại phiên tòa là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa, căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2018/KDTM-ST ngày 07.8.2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Công ty Cổ phần Xây dựng điện V

phải chịu số tiền là 23.600.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTV/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2018/KDTM-ST ngày 07/8/2018 V/v “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán*” của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Về khoản tiền nợ: Công ty Cổ phần Xây dựng điện V còn nợ Công ty TNHH MTV H số tiền là: 490.000.000 đồng (*Bốn trăm chín mươi triệu đồng*).

2. Về thời hạn thanh toán: Công ty cổ phần xây dựng điện V phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ chậm nhất trước ngày 30 tháng 11 năm 2018.

3. Về án phí:

3.1 *Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

- Công ty Cổ phần Xây dựng điện V phải chịu 23.600.000 đồng (*Hai mươi ba triệu, sáu trăm ngàn đồng*).

- Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.990.000 đồng theo Biên lai thu số: 0000964 ngày 13/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3.2 *Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:*

Công ty Cổ phần Xây dựng điện V phải chịu là 2.000.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005751 ngày 30/8/2018 và số 0005775 ngày 28/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10% tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- TAND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q. Liên Chiểu;
- Lưu HS, TKT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Cao Văn Hiếu